



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



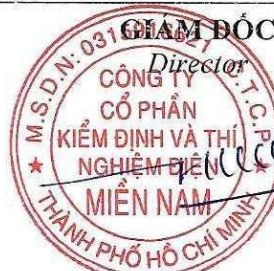
ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1460/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 05/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                         |                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2</b><br><b>CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN –</b><br><b>NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI BIM 3</b> |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br>Place of test:                                                | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                  |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br>Object:                                                     | Đầu thử điện cao thế<br>High voltage detector                                                                                              |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                         | 01 Thiết bị/ 01 Equipment                                                                                                                  |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br>Method of testing:                                        | - TN/QT-01;<br>- Theo yêu cầu của khách hàng/ At the request of customers;<br>- Tài liệu NSX/ Manufacturer's documentation.                |
| 6. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                             | 03-04/06/2025                                                                                                                              |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                 | Loại/ Type: 278 HP                                                                                                                         |
|                                                                                         | Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA                                                                                            |
|                                                                                         | Dải điện áp kiểm tra/ Range voltage check: 0,24; 4,2; 35; 69; 115;<br>230; 345; 500kV                                                      |
|                                                                                         | Tần số/ Frequency: 50/60 Hz                                                                                                                |
|                                                                                         | Số quản lý/ Serial No: 2330593                                                                                                             |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br>Testing equipment:                                        | Nhà sản xuất/ Manufacture: SEW - Taiwan                                                                                                    |
|                                                                                         | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                    |
| 9. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                            |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br>Testing result:                                              | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                             |
| 11. Tem thử nghiệm:<br>Testing stamp No:                                                | 972/25/ETSC                                                                                                                                |
| 12. Kết luận:<br>Conclusion                                                             | Đầu thử điện cao thế nêu trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / The above<br>h.v.proximity detector meets technical standards                      |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 06/2026<br>Recommended next testing period: |                                                                                                                                            |

Người Thực Hiện  
Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THI NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Số/ No: 1460/2025/TN-ETSC

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**CERTIFICATE OF TESTING**

Ngày/ Date: 05/06/2025

Trang/ Page: 2/2

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt No | Đối tượng đo<br><i>Measuring object</i>                                | So sánh tham chiếu<br><i>Compare reference</i>           | Kết quả<br><i>Result</i> | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|--------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1      | Nhãn mác/ <i>Label</i>                                                 | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ <i>Intact, not abnormal</i> | Còn tốt/<br><i>Good</i>  | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 2      | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/<br><i>Check the equipments exterior</i> | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ <i>Intact, not abnormal</i> | Còn tốt/<br><i>Good</i>  | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 3      | Bề mặt cách điện/ <i>Insulation surface</i>                            | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ <i>Intact, not abnormal</i> | Còn tốt/<br><i>Good</i>  | Đạt/ <i>Ok</i>            |

**10.2 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng đo<br><i>The object of measurement</i> | Mức tiêu chuẩn<br><i>Standard level</i><br>(MΩ) | Kết quả đo<br><i>Measurement results</i> (MΩ) | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|
| Đầu tiếp xúc - Vỏ<br><i>Contact head - Case</i>  | > 1.000                                         | > 50.000                                      | Đạt/ <i>Pass</i>          |

**10.3 Kiểm tra kỹ thuật/ Technical check:**

| Stt No | Đối tượng đo<br><i>Measuring object</i> | Điện áp thử nghiệm<br><i>Check voltage</i> (kV) | Kết quả<br><i>Result</i>                                                                             | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|--------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1      | Nấc 0,24kV/ <i>Switch 0,24kV</i>        | 0,24kV                                          | Thiết bị báo/ <i>Alarm device:</i><br>- Chớp đèn/ <i>Flashing lights</i><br>- Âm thanh/ <i>Sound</i> | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 2      | Nấc 4,2kV/ <i>Switch 4,2kV</i>          | 4,2kV                                           |                                                                                                      | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 3      | Nấc 35kV/ <i>Switch 35kV</i>            | 35kV                                            |                                                                                                      | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 4      | Nấc 69kV/ <i>Switch 69kV</i>            | 69kV                                            |                                                                                                      | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 5      | Nấc 115kV/ <i>Switch 115kV</i>          | 115kV                                           |                                                                                                      | Đạt/ <i>Ok</i>            |
| 6      | Nấc 230kV/ <i>Switch 230kV</i>          | 150kV                                           |                                                                                                      | Đạt/ <i>Ok</i>            |